

Cở sở lý luận, thực tiễn và một số giải pháp thúc đẩy hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế Việt Nam trong kỷ nguyên mới

Ngày nhận bài: 03/03/2025 | Ngày phản biện: 10/03/2025 | Ngày xuất bản: 03/12/2025

Tác giả: Quách Thị Huệ (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh)

Tóm tắt: Bối cảnh thế giới nhiều biến động sâu sắc đang đặt ra cho mỗi quốc gia những nhiệm vụ đối ngoại mới. Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định mục tiêu đạt mức thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và mức thu nhập cao vào năm 2045. Trước thềm Đại hội XIV, với những chiến lược và kỳ vọng lớn lao, toàn Đảng, toàn dân đang tràn đầy nhiệt huyết vươn tới kỷ nguyên mới. Để đáp ứng những mục tiêu và yêu cầu của bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay, hoạt động ngoại giao đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Bài viết này sẽ phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất một số khuyến nghị hoạt động ngoại giao nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế của Việt Nam đến năm 2030, với tầm nhìn hướng tới năm 2045.

Trong kỷ nguyên hội nhập sâu rộng và toàn diện hiện nay, các yếu tố kinh tế, chính trị, khoa học - công nghệ và văn hóa đan xen chặt chẽ với nhau đặt ra cho mỗi quốc gia những yêu cầu mới, cơ hội và thách thức mới. Có thể nhận thấy những điểm nổi bật trong cục diện thế giới hiện nay tác động chính đến nền kinh tế Việt Nam đó là: sự chuyển dịch nhanh chóng của địa kinh tế và địa chính trị quốc tế, cạnh tranh chiến lược nước lớn, sự phát triển đáng kinh ngạc của khoa học công nghệ và sự ra đời của các mô hình kinh tế mới như kinh tế xanh, kinh tế số và yêu cầu phát triển bền vững.... Đối với một nền kinh tế đang phát triển năng động và hội nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu như Việt Nam, việc thúc đẩy các hoạt động ngoại giao để phục vụ mục tiêu kinh tế trở thành nhiệm vụ chiến lược nhằm mở rộng không gian phát triển, thu hút nguồn lực, công nghệ, và nâng cao vị thế quốc tế. Tuy nhiên, bối cảnh quốc tế cho thấy nền ngoại giao Việt Nam đang đứng trước những yêu cầu mới: không chỉ thúc đẩy hợp tác truyền thống mà còn cần dẫn dắt các dòng đầu tư công nghệ cao, đổi mới

sáng tạo và chuyển đổi số. Tuy nhiên, để đối phó thách thức không nhỏ từ sự gia tăng chủ nghĩa bảo hộ, xung đột khu vực, rủi ro về an ninh năng lượng, lương thực và biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến đà tăng trưởng... cũng cần có giải pháp ngoại giao đa phương phù hợp. Trong bối cảnh đó, ngoại giao không chỉ đơn thuần là công cụ định vị chiến lược, bảo vệ chủ quyền, độc lập, mà còn đóng vai trò đa dạng hóa đối tác để giảm thiểu rủi ro và nắm bắt cơ hội phát triển kinh tế. Các hoạt động ngoại giao cần phải tiếp cận được các nguồn lực bên ngoài như vốn, công nghệ, tri thức và nhân lực chất lượng cao, mở đường cho hợp tác trong các lĩnh vực mới như kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn, năng lượng xanh và kinh tế tuần hoàn – phù hợp với định hướng phát triển xanh, tự chủ và hội nhập sâu của Việt Nam trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021–2030. Tầm nhìn đến năm 2045 – khi Việt Nam phấn đấu trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao – ngoại giao sẽ tiếp tục là “cánh tay nối dài” của kinh tế, là cầu nối giữa Việt Nam với thế giới và là công cụ quan trọng để thực hiện khát vọng hùng cường dân tộc. Nghiên cứu này sẽ tập trung làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất 2 kiến nghị hoạt động ngoại giao để thúc đẩy phát triển kinh tế trong kỷ nguyên mới: 1 là “xây dựng “chiến lược ngoại giao về công nghệ” gắn với quá trình chuyển đổi số toàn cầu”; 2 là “đẩy mạnh hoạt động ngoại giao hướng tới việc xây dựng khung kinh tế tuần hoàn”.

1. Về vấn đề xây dựng “chiến lược ngoại giao về công nghệ” gắn với quá trình chuyển đổi số toàn cầu

Xây dựng và đưa vào văn kiện chính sách ngoại giao về chuyển đổi số quốc gia, khuyến khích hợp tác song phương và đa phương về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain và điện toán đám mây. Việt Nam cần thiết lập các thỏa thuận chia sẻ dữ liệu, hợp tác nghiên cứu phát triển (R&D), và bảo vệ an ninh mạng với các nước tiên tiến. Mục tiêu là nhấn mạnh vai trò của Việt Nam như là một trung tâm công nghệ của khu vực Đông Nam Á, thông qua việc thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ toàn cầu, nhất là các nước có quan hệ tầm cao với Việt Nam và phát triển nhân lực công nghệ cao.

1.1. Cơ sở lý luận

Một là, Văn kiện Đại hội XIII đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo AI. ⁽¹⁾ Việc xây dựng một chiến lược ngoại giao công nghệ trở nên cấp thiết, nhằm khai thác tối đa lợi ích từ sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ này và đồng thời đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi số toàn cầu. Văn kiện còn nhấn mạnh việc nhanh chóng hoàn thiện khung pháp lý để hỗ trợ quá trình phát triển các mô hình kinh doanh và ứng dụng công nghệ mới. ⁽²⁾ Điều này bao gồm việc thiết lập các thỏa thuận quốc tế liên quan đến chia sẻ dữ liệu, bảo vệ an ninh mạng, và hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D).

Hai là, Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 được ban hành vào năm 2022 cũng nhấn mạnh việc cần tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ. ⁽³⁾ Chiến lược này không chỉ tập trung vào việc phát triển các công nghệ trong nước mà còn tạo điều kiện để Việt Nam tham gia vào các chương trình hợp tác quốc tế, mua bán, chuyển giao các sản phẩm công nghệ và khoa học.

Ba là, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 ra đời vào năm 2020 đã đặt ra mục tiêu quan trọng: Đưa Việt Nam trở thành một quốc gia số ổn định, thịnh vượng và tiên phong trong việc thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới ⁽⁴⁾. Chương trình này hướng đến việc đổi mới toàn diện các hoạt động của chính phủ, doanh nghiệp và cuộc sống của người dân thông qua việc phát triển một môi trường số an toàn, nhân văn và rộng khắp. Đây chính là nền tảng vững chắc cho việc xây dựng một chiến lược ngoại giao công nghệ, nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số không chỉ trong nước mà còn kết nối với các quốc gia tiên tiến khác.

Bốn là, Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, ngày 22/12/2024 khẳng định: Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Một là, Ngoại giao công nghệ đã trở thành một xu hướng lớn trên thế giới. Các nước phát triển như Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ và Liên minh châu Âu (EU) đều đã áp dụng chiến lược ngoại giao công nghệ thành công. Chẳng hạn như Ấn Độ với chiến lược "Digital India" đã kết hợp ngoại giao công nghệ để thu hút đầu tư quốc tế và phát triển mạnh mẽ lĩnh vực công nghệ thông tin. Việt Nam có thể tiếp thu những kinh nghiệm của các nước trên thế giới, đặc biệt là các đối tác thân thiết và có những đặc trưng kinh tế - xã hội như Việt Nam để đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Hai là, từ thực tiễn của sự gia tăng các mối đe dọa về an ninh mạng ngày càng cao, nhất là tình trạng lợi dụng mạng xã hội để thực hiện các âm mưu khủng bố và âm mưu diễn biến hoà bình nên việc tăng cường hợp tác với các quốc gia và tổ chức quốc tế thông qua ngoại giao công nghệ là vô cùng quan trọng để đảm bảo an ninh quốc gia không chỉ trên không gian mạng và còn là an ninh quốc phòng trong kỷ nguyên số.

Ba là, Ngoại giao công nghệ thông qua việc tham gia vào các diễn đàn công nghệ quốc tế sẽ mở ra cơ hội đóng vai trò rulemaker (người tạo ra luật chơi) cho Việt Nam trong lĩnh vực công nghệ. Việt Nam có thể chủ động tham gia vào quá trình xây dựng các tiêu chuẩn bảo mật, bảo vệ hạ tầng công nghệ quan trọng, tham gia vào các thỏa thuận quốc tế liên quan đến công nghệ.

1.3. Giải pháp thực hiện "Xây dựng chiến lược "ngoại giao công nghệ" gắn với quá trình chuyển đổi số toàn cầu

Để triển khai xây dựng chiến lược ngoại giao công nghệ, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ và linh hoạt các giải pháp sau:

Một là, xây dựng khung pháp lý và thể chế hỗ trợ ngoại giao công nghệ: Chính phủ cần nhanh chóng xây dựng và ban hành các khung pháp lý liên quan đến công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, và điện toán đám mây. Ngoài ra, các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ cần được tăng cường để thúc đẩy sáng tạo và đổi mới.

Hai là, tăng cường hợp tác quốc tế về công nghệ đặc biệt chú trọng việc ký kết các thỏa thuận hợp tác về công nghệ với các quốc gia tiên tiến, trong đó tập trung vào các

lĩnh vực như AI, blockchain, điện toán đám mây, và công nghệ thông tin. Việt Nam cũng có thể thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác trong ASEAN và khu vực châu Á-Thái Bình Dương về công nghệ nhằm xây dựng một hệ sinh thái công nghệ bền vững và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Ba là, thu hút đầu tư và phát triển các trung tâm nghiên cứu công nghệ cao: Xây dựng và thúc đẩy cơ chế thu hút các tập đoàn công nghệ lớn đầu tư vào nghiên cứu, phát triển (R&D) và triển khai công nghệ tại Việt Nam.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao: Việt Nam cần xây dựng các chương trình đào tạo và nâng cao kỹ năng về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, blockchain, và an ninh mạng tại các trường đại học và cơ sở đào tạo chuyên ngành. Hợp tác với các quốc gia tiên tiến trong lĩnh vực giáo dục để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động công nghệ.

Năm là, bảo vệ an ninh mạng và quyền lợi quốc gia trong môi trường số: Để đảm bảo an toàn cho hạ tầng số và ngăn chặn các cuộc tấn công mạng, Việt Nam cần thiết lập một chiến lược an ninh mạng quốc gia toàn diện. Thông qua ngoại giao công nghệ, Việt Nam cần tham gia và đóng góp vào việc xây dựng các quy chuẩn an ninh mạng quốc tế, đảm bảo rằng các tiêu chuẩn này không chỉ phù hợp với nhu cầu của quốc gia mà còn bảo vệ lợi ích quốc gia trên trường quốc tế.

Sáu là, ngoại giao công nghệ cần lựa chọn những lĩnh vực công nghệ mũi nhọn, phù hợp, hiệu quả, tránh sự dàn trải, lãng phí nguồn lực.

2. Về đẩy mạnh hoạt động ngoại giao hướng tới việc xây dựng khung kinh tế tuần hoàn

Thông qua xây dựng các khuôn khổ hợp tác vòng tròn đồng tâm, xây dựng các tầng nấc hợp tác, lấy các cơ chế có sự tham gia của Việt Nam là trọng tâm, lấy các đối tác trọng điểm là nhân tố kết nối đa tầng nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, tăng trưởng bao trùm và phát triển bền vững, Việt Nam có thể đẩy mạnh hoạt động ngoại giao hướng tới việc xây dựng khung kinh tế tuần hoàn. Mục tiêu là để tận dụng nguồn vốn đầu tư, (FDI), viện trợ (ODA), công nghệ, khoa học kỹ thuật, tri thức, kinh nghiệm của các đối tác trọng điểm của Việt Nam, trước tiên lấy trọng tâm là

ASEAN và thu hút các đối tác trọng điểm là Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ để thúc đẩy ASEAN đạt được các mục tiêu, tầm nhìn dài hạn, sử dụng hiệu quả nguồn lực và tăng trưởng bền vững và bao trùm. Khung kinh tế tuần hoàn cần gắn với ngoại giao “năng lượng xanh” để phát triển bền vững: đặt mục tiêu tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, đặc biệt là với các quốc gia có công nghệ tiên tiến về năng lượng gió, năng lượng mặt trời, và thủy điện.

2.1. Cơ sở lý luận

Một là, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII lần đầu tiên đề ra định hướng “Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ”, khai thác tối đa vị thế quốc gia và nguồn lực bên ngoài để phục vụ phát triển đất nước”⁽⁵⁾ .

Hai là, chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030 đã xác định ngoại giao kinh tế là một nhiệm vụ cơ bản, trung tâm của nền ngoại giao Việt Nam, theo đó cần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế một cách toàn diện, thực chất trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Ba là, Nghị quyết số 21/NQ-CP về Chương trình hành động giai đoạn 2022-2026 của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW và phương châm sáng tạo, quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả và tranh thủ mọi cơ hội cho phát triển đất nước để tiếp tục đưa công tác ngoại giao kinh tế thực sự trở thành một động lực quan trọng cho phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Bốn là, về kinh tế tuần hoàn, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định chủ trương “xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”⁽⁶⁾, “Xây dựng lộ trình, cơ chế, chính sách, pháp luật để hình thành, vận hành mô hình kinh tế tuần hoàn”⁽⁷⁾ .

Năm là, ngày 11/2/2020, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW, “Về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong đó khẳng định phải ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, phát triển nhà máy điện sử dụng rác thải, chất thải để bảo vệ môi trường và phát triển

kinh tế tuần hoàn.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Thứ nhất, là quốc gia đang phát triển, việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, bao trùm của Việt Nam chịu tác động của các động lực kinh tế toàn cầu và các mối quan hệ phụ thuộc với các đối tác kinh tế trọng điểm, các “luật chơi” khi vào “sân chơi” của nền kinh tế thế giới. Mặt khác, hoạt động ngoại giao kinh tế tác động trực tiếp đến sự định hình các chiến lược phát triển kinh tế thông qua nhiều cơ chế như điều kiện, chính sách và cách thức tham gia vào các diễn đàn kinh tế toàn cầu của Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam có thể tận dụng các thỏa thuận song phương, đa phương, từng bước hội nhập sâu rộng, hiệu quả vào nền kinh tế toàn cầu.

Thứ hai, hoạt động ngoại giao hướng tới việc xây dựng vòng tròn đồng tâm, các lớp hợp tác kinh tế giúp Việt Nam có thể cân bằng sự tham gia kinh tế toàn cầu của mình bằng cách đa dạng hóa quan hệ đối tác, tham gia vào các sáng kiến hợp tác, triển khai đồng bộ ngoại giao song phương và đa phương trên cơ sở xem kinh tế là yếu tố then chốt. Cách tiếp cận này giúp giảm sự phụ thuộc của Việt Nam vào các tổ chức kinh tế quốc tế chưa mang tính đại diện và mang lại sự hiện diện kinh tế đa dạng theo hướng có trọng tâm, có trọng điểm, có điểm nhấn trên bản đồ kinh tế thế giới.

Thứ ba, sự chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính sang mô hình kinh tế tuần hoàn đang trở thành xu hướng trong phát triển bền vững và tăng trưởng bao trùm trên thế giới, đặc biệt càng có vai trò và ý nghĩa hơn đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Tuy nhiên, ở Việt Nam, nhiều ngành, địa phương đã có các mô hình mang biểu hiện của kinh tế tuần hoàn nhưng một số còn thiếu bền vững, thậm chí gây ảnh hưởng không nhỏ đến các mục tiêu bảo vệ môi trường. Và các nguồn lực mà các địa phương sử dụng chủ yếu là từ chính phủ hoặc của doanh nghiệp mà chưa tận dụng được các cơ chế hợp tác kinh tế, ngoại giao kinh tế. Do đó, có thể khẳng định, xây dựng được Khung kinh tế tuần hoàn là chìa khóa để Việt Nam hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2045 trở thành nước có thu nhập cao đi đôi với ổn định xã hội trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc tăng trưởng bền vững và tăng trưởng bao trùm.

Thứ tư, gắn mục tiêu xây dựng khung kinh tế tuần hoàn hiện nay của Việt Nam hoàn toàn phù hợp với cuộc cách mạng tiêu dùng theo hướng tiêu dùng xanh trên thế giới

hiện nay. Trên thế giới cũng như Việt Nam, tiêu dùng xanh được xem là hiện thân của hành vi bảo vệ môi trường trong lĩnh vực tiêu dùng, một khía cạnh quan trọng của kinh tế tuần hoàn. Việc xây dựng khung kinh tế tuần hoàn không chỉ góp phần kiểm soát khí thải ô nhiễm, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, mà còn giúp Việt Nam hội nhập vào xu hướng có sự đồng thuận toàn cầu đó là xây dựng nền văn minh sinh thái và phát triển bền vững.

Thứ năm, biến động địa chính trị thế giới về xung đột địa chính trị, chiến tranh thương mại, chiến tranh công nghệ, khủng hoảng tài chính hay nhu cầu đổi mới tài chính (liên quan đến tài chính điện tử, tiền kỹ thuật số), sự nổi lên của chủ nghĩa bảo hộ, sự phân mảnh của địa kinh tế sẽ tác động trực tiếp và đa chiều đến sự phát triển kinh tế Việt Nam nói chung và các hoạt động ngoại giao thúc đẩy phát triển kinh tế cũng như việc phát triển kinh tế tuần hoàn nói riêng. Sự trỗi dậy của các cường quốc kinh tế mới và các liên minh toàn cầu đang phát triển có tác động trực tiếp đến cách thức và hiệu quả của các hoạt động ngoại giao nhằm phục vụ mục tiêu kinh tế của Việt Nam. Do đó, Việt Nam cần thích ứng với những thay đổi này để giải quyết hiệu quả các thách thức này.

2.3. Giải pháp thực hiện “Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao hướng tới việc xây dựng khung kinh tế tuần hoàn”

Thứ nhất, Việt Nam trước hết cần tận dụng mặt trận ngoại giao liên quan tới nền kinh tế toàn cầu hiện đại như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế chia sẻ, kinh tế tri thức để triển khai xây dựng khung kinh tế tuần hoàn. Chính phủ cần tăng cường hỗ trợ nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế của địa phương, doanh nghiệp thông qua đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất nhưng cần xác định rõ các đối tác trọng điểm, cụ thể thứ tự các đối tác hợp tác ưu tiên để thể chế hóa các thỏa thuận hợp tác liên quan đến kinh tế tuần hoàn. Gắn các hoạt động ngoại giao thúc đẩy kinh tế nhằm xây dựng Khung kinh tế tuần hoàn với ngoại giao số và tiến bộ công nghệ trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Cách tiếp cận này bao gồm việc sử dụng công nghệ, chẳng hạn như nền tảng truyền thông xã hội và các công cụ truyền thông số, cho các hoạt động ngoại giao.

Thứ hai, xây dựng các tầng lớp hợp tác kinh tế thông qua đẩy mạnh ngoại giao cả song phương và đa phương. Theo đó, tận dụng hiệu quả các sáng kiến mới như Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương (IPEF), Sáng kiến Vành đai, con đường (BRI), Global Gateway, Nền tảng Cộng đồng Không phát thải châu Á (AZEC)..... Đồng thời, khai thác tối đa tiềm năng của các khuôn khổ, quan hệ đối tác với các Đối tác chiến lược toàn diện, các hiệp định thương mại tự do, triển khai các cam kết với các đối tác quốc tế đã ký kết. Xây dựng các vòng tròn đồng tâm, các lớp hợp tác thông qua quá trình hội nhập của Việt Nam ở các thể chế đa phương (ASEAN, APEC, khung khổ hợp tác Việt Nam - Liên minh châu Âu WTO, FTA), coi trọng quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, tận dụng lợi thế mà các FTA như CPTPP, EVFTA, RCEP, ... mang lại và thu hút FDI có chất lượng, FDI xanh vì mục tiêu phát triển bền vững. Đặc biệt, cần chú trọng hơn công tác lượng hóa thông qua các báo cáo để nêu rõ những kết quả cụ thể đã đạt được để từ đó xác định định vòng tròn đồng tâm hợp tác với các đối tác ưu tiên, đối tác trọng điểm trong ngoại giao kinh tế.

Thứ ba, đề cao vai trò của Bộ Ngoại giao để tối ưu hóa mạng lưới ngoại giao nhằm mang lại giá trị và lợi ích cho phát triển kinh tế. Theo đó, Bộ Ngoại giao cần thiết lập một kế hoạch tổng thể cho các hành động phối hợp, tiếp cận tất cả các nhánh của chính phủ, doanh nghiệp và các tác nhân phi nhà nước khác, để tổng lực hoạt động ngoại giao theo cách tối ưu, cho thương mại, đầu tư, viện trợ, luồng du lịch, đào tạo kỹ thuật và tất cả các lĩnh vực hoạt động khác phù hợp với quá trình xây dựng Khung kinh tế tuần hoàn của quốc gia. Như vậy, Bộ ngoại giao đóng vai trò là điều phối viên để củng cố quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với các thị trường gần, sát với mục tiêu, chiến lược kinh tế tuần hoàn của Việt Nam.

Thứ tư, phát huy tối đa vai trò của Tổ công tác nghiên cứu về kinh tế của Bộ Ngoại giao và các cơ quan cùng chức năng nhằm nghiên cứu mô hình, nắm bắt và ứng phó kịp thời các xu hướng kinh tế của thế giới, từ đó đề xuất các giải pháp đối ngoại kinh tế phù hợp, đột phá phục vụ quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước. Mặt khác, phát huy tối đa cá kênh ngoại giao nhất là ngoại giao nhân dân thông qua vai trò của các Liên hợp các tổ chức hữu nghị, các Tham tán thương mại, các Diễn đàn Tri thức, các Hội nghị giao lưu người Việt Nam ở nước ngoài nhằm tham mưu chiến lược về sự tham gia và đóng góp có trách nhiệm của Việt Nam tại các cơ chế hợp tác kinh tế đa phương; hỗ trợ vận động, đàm phán, ký kết các FTA với nhiều đối tác chiến lược, từ

đó, mở rộng không gian phát triển, tăng cường các kênh kết nối trên nhiều mặt trận, đưa Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong các liên kết kinh tế khu vực cũng như chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thứ năm, đẩy mạnh hợp tác địa phương với địa phương trong xây dựng các khuôn khổ hợp tác vòng tròn đồng tâm, xây dựng các tầng nấc hợp tác. Việc đẩy mạnh hợp tác địa phương nhằm lựa chọn các lĩnh vực hợp tác ưu tiên tùy thuộc đặc thù của từng địa phương góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác giữa hai bên cũng như đáp ứng kịp thời các nhu cầu cấp thiết cho sự phát triển của các địa phương ở Việt Nam trong tận dụng nguồn vốn, công nghệ của các đối tác để phát triển kinh tế tuần hoàn theo mô hình “từ dưới lên trên, từ thấp tới cao”.

Thứ sáu, ưu tiên khai thác hiệu quả các vòng tròn hợp tác chiến lược, với trọng tâm là ASEAN và Trung Quốc, đồng thời mở rộng ảnh hưởng ra châu Á-Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Mối quan hệ Việt Nam - ASEAN là nền tảng trong chiến lược hội nhập khu vực, không chỉ thúc đẩy thương mại, đầu tư và chuỗi cung ứng nội khối mà còn tăng cường hợp tác trong các vấn đề phi truyền thống như an ninh, biến đổi khí hậu và dịch bệnh. Việt Nam cần hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc để khai thác lợi thế về địa lý và chuỗi cung ứng xuyên biên giới, đặc biệt trong các lĩnh vực như năng lượng tái tạo và kinh tế tuần hoàn, tiếp cận công nghệ, vốn đầu tư và hạ tầng tiên tiến từ Trung Quốc, nhưng cũng cần giảm thiểu rủi ro phụ thuộc bằng cách đa dạng hóa đối tác và thị trường. Do đó, cần phát huy vai trò của các khu vực rộng lớn hơn như châu Á-Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương để tăng cường hợp tác với các đối tác lớn khác như Mỹ, Nhật Bản và Ấn Độ. Việc này không chỉ giúp Việt Nam giảm bớt sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc mà còn hỗ trợ củng cố an ninh hàng hải, bảo vệ lợi ích quốc gia tại Biển Đông và ổn định khu vực.

Thứ bảy, để tối ưu hóa vị thế và lợi ích quốc gia trong bối cảnh quốc tế phức tạp, Việt Nam cần duy trì sự cân bằng giữa mở cửa và tự chủ; hội nhập sâu rộng nhưng phải tránh nguy cơ lệ thuộc, hướng tới xây dựng một nền kinh tế linh hoạt, đủ sức thích ứng trước các cú sốc bên ngoài. Cần phát huy vai trò của các cơ chế đa phương như UN, APEC, RCEP, IPEF, CPTPP, và ASEAN để khai thác thị trường quốc tế, nhưng đồng thời phải xây dựng năng lực nội tại mạnh mẽ để ứng phó với rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và biến động kinh tế. Đồng thời, khi tham gia vào các diễn đàn quốc tế,

Việt Nam cần chủ động, tích cực tham gia luận bàn về các vấn đề kinh tế, tiến tới tạo dựng vai trò của rulemaker (người tham gia xây dựng luật chơi) để tạo dựng nền tảng pháp lý và các cơ chế phù hợp, có lợi cho sự phát triển kinh tế đất nước.

3. Kết luận

Trong sự vận động mạnh mẽ của thế giới hiện nay, việc thúc đẩy hoạt động ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế trở nên cấp bách do những thay đổi nhanh chóng và sâu rộng trong các xu thế toàn cầu như phát triển bền vững, chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Những xu hướng này không chỉ ảnh hưởng đến cấu trúc và động lực của nền kinh tế toàn cầu mà còn tạo ra những thách thức mới, đòi hỏi các quốc gia phải thích ứng và đổi mới để duy trì vị thế cạnh tranh. Phát triển bền vững với các mô hình kinh tế số, kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh, đã trở thành xu thế chủ đạo mà nhiều quốc gia đang theo đuổi. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, không chỉ là những yếu tố then chốt cho sự phát triển mà còn là những thách thức lớn mà các quốc gia phải đối mặt. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần nhanh chóng thích ứng và tận dụng những xu thế này thông qua việc xây dựng một “chiến lược ngoại giao về công nghệ” gắn liền với quá trình chuyển đổi số toàn cầu và việc thúc đẩy hợp tác trong khung kinh tế tuần hoàn thông qua các mô hình hợp tác đa tầng sẽ giúp Việt Nam thiết lập những mối liên kết vững chắc với các đối tác chiến lược, từ đó tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và bao trùm. Cần đẩy mạnh hoạt động ngoại giao song phương và đa phương, chủ động và sáng tạo trong các hoạt động ngoại giao để Việt Nam khẳng định vị thế của mình trong cộng đồng quốc tế, tham gia xây dựng luật chơi và tạo cơ hội giúp đất nước vượt qua những thách thức và nắm bắt cơ hội phát triển trong tương lai./.

Tài liệu tham khảo

(1), (2), (5), (6), (7) Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, T.2, tr.57-58, 44, 68,331,143.

(3) Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 được ban hành vào năm 2022, tr.20.

(4) Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 ra đời vào năm 2020, tr.1

